

**UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 284 /VHTT

Cẩm Phả, ngày 11 tháng 10 năm 2018

V/v tuyên truyền, phổ biến công khai
Quy hoạch karaoke, vũ trường

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành: Công an Thành phố; Tài chính-Kế hoạch; Lao động Thương binh và Xã hội; Trung tâm HCC Thành phố; Văn phòng HĐND-UBND Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã.

Căn cứ công văn số 3124/UBND-VHTT, ngày 05/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả hướng dẫn triển khai thực hiện Quy hoạch Karaoke, vũ trường trên địa bàn Tỉnh Đền năm 2025, tầm nhìn 2030.

Phòng Văn hóa và thông tin đề nghị các Phòng, ban, đơn vị; UBND các Phường, xã phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, công khai Quy hoạch karaoke, vũ trường (có Quy hoạch gửi kèm) trên cổng thông tin điện tử thành phần; trên hệ thống loa truyền thanh Thành phố; tại Trung tâm hành chính công Thành phố và bộ phận một cửa UBND các phường, xã để mọi người dân, đặc biệt là các chủ cơ sở kinh doanh nắm được đầy đủ các thông tin và nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (p/h);
- Lưu: VHTT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đậu Phan Phong

Số: 2989 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Karaoke, vũ trường
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 56/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 54/2006/TT-BVHTT ngày 24/5/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về hướng dẫn quy hoạch nhà hàng Karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 47/2015/TT-BCA ngày 06/10/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh vũ trường, Karaoke;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/05/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;

Căn cứ Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh Karaoke, vũ trường;

QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, ban hành kèm theo Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn quốc gia về môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050;

Căn cứ Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 20/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch nhà hàng karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Karaoke và vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 2915/UBND-VX1 ngày 27/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc đồng ý chủ trương cho phép điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Văn hoá và Thể thao tại Tờ trình số 1234/TTr-SVHTT ngày 18/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, gồm những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch Karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Cơ quan chủ trì tổ chức lập quy hoạch: Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Ninh.

3. Mục tiêu quy hoạch

- Đánh giá thực trạng triển khai Quy hoạch nhà hàng karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2020 (theo Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 20/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh); đánh giá công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh nhà hàng karaoke, vũ trường theo các quy định hiện hành.

- Tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần và hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của nhân dân.

- Tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng theo pháp luật làm

phong phú các hoạt động văn hóa, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh của người dân, giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận người lao động.

- Khuyến khích các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường có chất lượng cao cả về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và chất lượng dịch vụ, nội dung hoạt động lành mạnh, văn minh. Loại bỏ dần các cơ sở kinh doanh có cơ sở vật chất cũ kỹ, lạc hậu, thiếu an toàn, không đảm bảo chất lượng phục vụ theo quy định hiện hành; phân bổ lại các điểm karaoke, vũ trường theo các quy định đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy....

4. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch

- Phạm vi điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Tại 14 địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kinh doanh karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: Các cơ sở dịch vụ karaoke, vũ trường được tổ chức nhằm mục đích kinh doanh bởi các cá nhân, các hộ gia đình, các doanh nghiệp dịch vụ, các câu lạc bộ, trung tâm văn hóa...

- Giai đoạn điều chỉnh, bổ sung quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Nội dung đồ án quy hoạch

5.1. Quy hoạch số lượng các cơ sở kinh doanh Karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

- Chỉ tiêu quy hoạch số lượng cơ sở kinh doanh Karaoke trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

Thành phố/ Huyện	Số lượng cơ sở Karaoke theo quy hoạch cũ định hướng đến năm 2020	Số lượng cơ sở Karaoke đã được cấp phép đến 6/2018	Số lượng cơ sở Karaoke quy hoạch đến năm 2025	Số lượng cơ sở Karaoke quy hoạch đến năm 2030
Thành phố Hạ Long	105	94	94	94
Thành phố Uông Bí	100	66	66	66
Thành phố Cẩm Phả	105	63	63	63
Thành phố Móng Cái	70	56	56	56
Thị xã Đông Triều	36	36	36	36
Thị xã Quảng Yên	15	15	15	15
Huyện Ba Chẽ	14	14	14	14
Huyện Bình Liêu	12	12	12	12
Huyện Cô Tô	14	13	13	13
Huyện Đầm Hà	14	14	14	14
Huyện Hải Hà	15	15	15	15
Huyện Hoành Bồ	20	20	20	20
Huyện Tiên Yên	12	12	12	12
Huyện Vân Đồn	40	23	23	23
Tổng cộng	572	453	453	453

- Chỉ tiêu quy hoạch số lượng cơ sở kinh doanh vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

Thành phố/ Huyện	Số lượng cơ sở vũ trường theo quy hoạch cũ định hướng đến năm 2020	Số lượng cơ sở Vũ trường đã được cấp phép đến 6/2018	Số lượng cơ sở vũ trường quy hoạch đến năm 2025	Số lượng cơ sở vũ trường quy hoạch đến năm 2030
Thành phố Hạ Long	6	1	1	1
Thành phố Uông Bí	3	2	2	2
Thành phố Cẩm Phả	4	1	1	1
Thành phố Móng Cái	4	0	1	1
Thị xã Đông Triều	1	0	0	0
Thị xã Quảng Yên	2	0	0	0
Huyện Ba chẽ	1	0	0	0
Huyện Bình Liêu	1	0	0	0
Huyện Cô Tô	1	0	0	0
Huyện Đầm Hà	1	0	0	0
Huyện Hải Hải	1	0	0	0
Huyện Hoành Bồ	1	0	0	0
Huyện Tiên Yên	1	0	0	0
Huyện Vân Đồn	2	0	1	1
Tổng cộng	29	4	6	6

5.2 Các quy định về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

5.2.1. Xác định các khu vực khuyến khích và không khuyến khích phát triển dịch vụ karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh

- Khuyến khích tập trung phát triển dịch vụ karaoke, vũ trường tại các khu vực, tuyến đường nằm tại các vị trí có mật độ dân số cao, nhu cầu giải trí cao, thuận lợi cho kinh doanh, phù hợp với quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển du lịch, dịch vụ của địa phương; những khu vực định hướng phát triển dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng. Đối với những khu vực này, dịch vụ karaoke, vũ trường phát triển ngoài phục vụ nhu cầu giải trí của người dân địa phương còn hướng đến phục vụ khách du lịch, góp phần tạo nên các hạ tầng dịch vụ giải trí có chất lượng của địa phương.

- Hạn chế phát triển dịch vụ karaoke, vũ trường tại các khu vực không thuận lợi cho kinh doanh, không phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch, dịch vụ của địa phương; những khu vực định hướng phát triển nhà ở mật độ cao, khu công nghiệp, nông nghiệp, những khu vực thường diễn ra các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, chính trị, xã hội, các khu du lịch tâm linh, lịch sử...

5.2.2. Xác định về địa điểm cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke, vũ trường

- Đảm bảo các điều kiện về khoảng cách ly theo quy định của Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

- Không nằm trong các tuyến phố bao quanh khu vực quảng trường nơi thường xuyên tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội ở địa phương;

- Không nằm trong các nhà chung cư, các tòa nhà phức hợp bao gồm khu nhà chung cư kết hợp với khu dịch vụ thương mại, văn phòng;

- Địa điểm kinh doanh phải đảm bảo giao thông thuận tiện, chỗ đỗ xe đủ công suất, dễ dàng thoát hiểm, cứu hỏa.

5.2.3. Xác định về giấy đăng ký kinh doanh và điều kiện cơ sở Karaoke, vũ trường

- Doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu kinh doanh karaoke phải có "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh" trong lĩnh vực karaoke và phải được cấp "Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường" mới được hoạt động.

- Quy định về điều kiện kinh doanh Karaoke được quy định tại "Điều 30. Điều kiện kinh doanh karaoke" theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

- Quy định đối với điều kiện kinh doanh vũ trường được quy định tại "Điều 24. Điều kiện kinh doanh vũ trường" theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

5.2.4. Điều kiện về an ninh, trật tự

- Các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường không được hoạt động dịch vụ sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng. Vũ trường, phòng karaoke trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 4 sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

Các cơ sở dịch vụ không được sử dụng lao động dưới 18 tuổi làm công việc phục vụ, làm tiếp viên, chiêu đãi viên trong các vũ trường, điểm karaoke theo Bộ luật Lao động 2012 và Nghị định số 75/2010/NĐCP. Tất cả người lao động làm việc tại vũ trường, nhà hàng karaoke phải có hợp đồng lao động.

5.2.5. Trang thiết bị, công nghệ cách âm, ánh sáng, phong cách phục vụ, bản quyền tác phẩm âm nhạc:

Về vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất: Ưu tiên sử dụng các vật liệu có chất lượng cao, bền đẹp, an toàn, đặc biệt khuyến cáo sử dụng các vật liệu có khả năng chịu nhiệt cao, chống cháy, chống cháy lan.

- Về các trang thiết bị âm thanh, hình ảnh, ánh sáng: Các thiết bị âm thanh, hình ảnh, ánh sáng phải có chất lượng cao, đảm bảo đem đến trải nghiệm tốt cho người dùng. Không sử dụng các sản phẩm chất lượng thấp, thiếu an toàn có thể gây tai nạn cho khách, hoặc cháy nổ.

- Về phong cách phục vụ: Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên, quản lý vận hành cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường. Đảm bảo các yêu cầu về niềm yết giá, niềm yết nội quy cơ sở kinh doanh.

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về bản quyền tác phẩm âm nhạc theo quy định của luật pháp.

5.2.6. Điều kiện vệ sinh, môi trường, an toàn thực phẩm

- Về tiếng ồn: Độ ồn tối đa được đo tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào phòng karaoke là 70dB với khung giờ từ 8h-21h và 55dB với khung giờ từ 21h-0h theo QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, ban hành kèm theo Thông tư 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Về ánh sáng: Độ sáng tối thiểu đảm bảo ánh sáng trong phòng trên 10 Lux tương đương 1 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m² theo Điều 32 Nghị định 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 Ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

- Các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường có bán thêm đồ ăn và đồ uống phải thực hiện đầy đủ các quy định trong Quyết định 41/2005/QĐ-BYT ngày 08/12/2005 của Bộ Y tế quy định Điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh, dịch vụ, phục vụ ăn uống. Trong trường hợp đồ ăn chế biến tại chỗ thì được coi là “Cơ sở dịch vụ ăn uống” phải có Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm theo quy định tại thông tư số 29/2012/TT-BCT ngày 05/10/2012 của Bộ Công thương quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.

5.2.7. Các quy định về lắp đặt biển hiệu Karaoke, vũ trường

Các biển hiệu, quảng cáo của cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường phải tuân thủ theo: Luật Quảng cáo - 16/2012/QH13 ngày 21/06/2012; QCVN 17:2013/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phương tiện quảng cáo ngoài trời; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

5.2.8. Các quy định về phòng cháy chữa cháy

Các cơ sở kinh doanh phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy, bao gồm:

- Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2001 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013;

- Đối với công trình xây dựng được sử dụng để kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường thì cần tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình - QCVN 06 : 2010/BXD;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 47/2015/TT-BCA ngày 06/10/2015 Hướng dẫn về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh vũ trường, karaoke;

- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2011/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Kiên quyết yêu cầu dừng kinh doanh đối với các cơ sở không đảm bảo về phòng cháy chữa cháy theo luật định.

5.3. Giải pháp thực hiện quy hoạch

* Nhóm giải pháp về tăng cường công tác quản lý nhà nước

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra giám sát, quản lý các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường trên địa bàn; kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;
- Kiên quyết yêu cầu ngừng hoạt động đối với các cơ sở kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng và ban hành các quy định về thời hạn, gia hạn, thu hồi giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng;
- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực trình độ đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về dịch vụ văn hoá.

* Nhóm giải pháp tuyên truyền, giáo dục

- Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và của tỉnh đối với lĩnh vực kinh doanh karaoke, vũ trường;
- Công khai và đảm bảo mọi người dân có thể tiếp cận đầy đủ thông tin của quy hoạch này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển loại hình dịch vụ karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các địa phương thực hiện việc cấp, đổi giấy phép kinh doanh nhà hàng karaoke, vũ trường theo quy định của pháp luật;
- Tuyên truyền phổ biến quy hoạch, kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
- Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động karaoke, vũ trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;
- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thời hạn, gia hạn, thu hồi, cấp mới Giấy phép kinh doanh hoạt động karaoke, vũ trường tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho công tác quản lý của các cơ quan nhà nước.

2. Các Sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thực hiện các nội dung của Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý nhà nước trên địa bàn đối với hoạt động của các cơ sở, các loại hình dịch vụ karaoke, vũ trường trên địa bàn địa phương quản lý.
- Triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch karaoke, vũ trường trên địa bàn theo đúng quy hoạch được phê duyệt.
- Rà soát toàn bộ cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường trên địa bàn địa phương, đối với cơ sở chưa đảm bảo điều kiện hoạt động, kiên quyết thu hồi giấy phép.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Văn hoá và Thể thao, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Y tế; Công an tỉnh; Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *g*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- V0, V1-3, XD1-5, NC, XD1-5, QLDD1, QH1-3, TM3, VX1-4;
- Lưu: VT, VX1;

15b-QĐ12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Vũ Thị Thu Thủy